

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2018

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phúc.

Bà Triệu Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 565/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cà Thị Tiểu M, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 10/2 Đường C, tổ 28, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông Phan Trọng H (T), sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 10/2 Đường C, tổ 28, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Bà M, ông H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Cà Thị Tiểu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Trọng H kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H ngoại tình, về nhà gây sự đánh đập, xúc phạm

bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu xin ly hôn với ông Phan Trọng H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Kim Mỹ H, sinh ngày 23/7/1998; Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên P, sinh ngày 20/3/2009. Con chung Phan Kim Mỹ H đã thành niên sống với ai tùy cháu quyết định bà không yêu cầu tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung Phan Ngọc Như Q và Phan Thiên Ph cho đến khi các con chung thành niên. Yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2018, lời khai tại các phiên hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Trọng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Cà Thị Tiểu M kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, đến năm 2010 chuyển đến sinh sống tại số 10/2, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Việc bà M trình bày ông có mối quan hệ khác bên ngoài là không đúng. Nay bà M yêu cầu xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung tên Phan Kim Mỹ H, sinh ngày 23/7/1998; Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên Ph, sinh ngày 20/3/2009. Con chung Phan Kim Mỹ H đã thành niên sống với ai tùy cháu quyết định ông không yêu cầu tòa án giải quyết. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung Phan Ngọc Như Q và Phan Thiên Ph cho đến khi các con chung thành niên. Không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Cà Thị Tiểu M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, Ông Phan Trọng H vẫn giữ nguyên yêu cầu tại các buổi làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông H. Về con chung: Giao bà M trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên Ph, sinh ngày 20/3/2009 cho đến ngày các con chung thành niên. Buộc ông H cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về án phí: Bà M phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà M và ông H kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà M làm đơn xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Xin ly hôn” giữa nguyên đơn bà Cà Thị Tiểu M và bị đơn ông Phan Trọng H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Cà Thị Tiểu M: Bà M và ông H kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Phan Trọng H.

Bị đơn ông Phan Trọng H thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc thất bại trong làm ăn, kinh tế suy sụp dẫn đến vợ chồng cãi vã và xô xát lẫn nhau. Bản thân ông xác định không có quan hệ ngoại tình như vợ ông đã trình bày. Ông xác định mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M

Qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 01/6/2018 về tình trạng hôn nhân của bà M và ông H được biết: Vợ chồng bà M, ông H sinh sống tại địa phương thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà M, ông H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Hiện tại mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà M về việc xin ly hôn với ông H là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật.

[3] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Vợ chồng bà M và ông H có 03 con chung tên Phan Kim Mỹ H, sinh ngày 23/7/1998; Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên Ph, sinh ngày 20/3/2009.

Ông H và bà M đều xác định cháu Hân đã thành niên sống với ai do cháu quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Phan Ngọc Như Q và Phan Thiên Ph cho đến khi các con chung thành niên, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con chung, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi các con chung đã thành niên. Ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Phan

Ngọc Như Q và Phan Thiên Ph cho đến khi các con chung thành niên. ông H không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian chung sống, bản thân ông H là tài xế thường xuyên đi làm ăn xa. Bản thân bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Mặt khác cháu Quỳnh và cháu Phúc đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử giao bà M được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, đảm bảo việc cháu Quỳnh và cháu Phúc không xáo trộn chỗ ở và nơi học tập để 02 cháu được phát triển bình thường về thể chất và tinh thần.

Về cấp dưỡng: Bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/con chung. Ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Do chấp nhận giao bà M nuôi 02 con chung nên cần buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên Ph, sinh ngày 20/3/2009 mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/6/2018 cho đến ngày các con chung đã thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà M và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Bà M là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 205, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cà Thị Tiểu M. Cho bà Cà Thị Tiểu M và ông Phan Trọng H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao bà Cà Thị Tiểu M trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên Ph, sinh ngày 20/3/2009 cho đến ngày 02 con chung thành niên.

3. Về mức cấp dưỡng, thời hạn cấp dưỡng: Buộc ông Phan Trọng H cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 07/02/2001 và Phan Thiên Ph, sinh ngày 20/3/2009 mỗi con chung 1.5000.000 đồng/tháng, 02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/6/2018 cho đến ngày 02 con chung thành niên.

Việc thăm nom, chăm sóc con và quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Cà Thị Tiểu M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0007093 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Cà Thị Tiểu M đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc ông Phan Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- **UBND xã T;**
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Ngô Anh Tuấn